

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HS-ST
Ngày 29/12//2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị T
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hà Thị T và Bà Lê Thị T
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị H , Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:*
Ông Trương Văn P - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HS ngày 16/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, đối với bị cáo:

Phạm Bá T , sinh năm 1985. Quê quán và nơi cư trú: Bản Ta Bán, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Thái; Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông: Phạm Văn M , sinh năm 1960 và bà: Ngân Thị T , sinh năm 1961. Vợ: Ngân Thị L , sinh năm 1985. Có 01 người con, sinh năm 2004.

Hiện nay bố, mẹ và vợ của bị cáo làm nghề trồng trọt tại: Bản Ta Bán, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tiền sự: Không. Tiền án: 01 tiền án. Năm 2019, bị TAND huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số: 32/2019/HS-ST, ngày 22/11/2019. Chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam ngày 30/9/2020 tại trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa đến nay, có mặt tại phiên tòa

Người bị hại:

- Sùng A T , sinh năm 1991 ở bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt có lý do

- Ngân Văn Đ , sinh năm 1987 và Lương Thị P , sinh năm 1992, đều trú tại: Bản Chiềng, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, Thanh Hóa. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Thào A C , sinh năm 1997, ở bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn K - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/6/2020 bị cáo Phạm Bá T có hành vi trộm cắp điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu: ITELA32F, màu đồng của gia đình anh Sùng A Tông, sinh năm 1991 ở bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 14/6/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa tiếp nhận tin báo của Công an xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nội dung cụ thể vụ án như sau:

Khoảng 10 giờ, ngày 14/6/2020, bị cáo đi bộ từ nhà đến bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa để tìm mua ma túy sử dụng. Khoảng 11 giờ cùng ngày, bị cáo thấy nhà anh Sùng A T đóng cửa nhưng không có ai ở nhà thì nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo nhìn qua khe cửa vào trong nhà phát hiện trên bàn uống nước có 01 điện thoại di động, liền dùng tay đẩy gãy chốt cửa gỗ, vào nhà rồi lấy trộm điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu: ITELA32F, màu đồng. Bị cáo đến cửa hàng tạp hóa của gia đình anh Thào A Ch , sinh năm 1997 ở bản Tà Cóm, xã Trung Lý gạ bán điện thoại trộm cắp được, anh Ch hỏi về nguồn gốc chiếc điện thoại thì bị cáo nói đây là điện thoại của mình, do có việc cần nên bán, anh Ch đã đồng ý mua với giá 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*). Bị cáo đi rồi anh Ch kiểm tra lại điện thoại, thấy trong máy có lưu ảnh chụp gia đình anh Sùng A T , nghi ngờ đây là tài sản trộm cắp nên báo sự việc với anh Thào A T (trưởng bản Tà Cóm) và cùng anh T lấy xe mô tô đuổi theo bị cáo, yêu cầu quay lại bản Tà Cóm làm việc. Bị cáo đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản và trả lại tiền cho anh Chơ. Chiều tối cùng ngày, sau khi đi làm nương về anh Sùng A T đã nhận lại điện thoại bị cáo trộm cắp từ anh C .

Trong quá trình điều tra mở rộng, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát còn làm rõ thêm vụ trộm cắp tài sản thứ hai do bị cáo thực hiện như sau:

Khoảng 17 giờ, ngày 27/5/2020, chị Lương Thị P , sinh năm 1992, đi xe mô tô biển kiểm soát: 28F5 - 3072 từ nhà ở bản Chiềng, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến nhà bố đẻ là ông Lương Văn P , sinh năm 1963, ở bản Mau, xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa thì để lại xe tại đây rồi cùng mọi người lên rừng đi bắt châu chấu. Khoảng 23 giờ cùng ngày, chị P quay lại nhà ông Phoi, ăn cơm tối rồi ngủ lại ở đây; xe mô tô biển được chị P khóa cổ, để ở trước hiên nhà. Khoảng 23 giờ 40 phút cùng ngày, trong lúc đang đi bộ (đi chơi) trên đường Quốc lộ 16 hướng xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa đi xã Mường Lý, huyện

Mường Lát, khi đến trước nhà ông P bị cáo thấy xe mô tô đang được để ở trước hiên nhà, lúc này chủ nhà đã đóng cửa đi ngủ nên nảy sinh ý định trộm cắp xe. Bị cáo đi đến chỗ chiếc xe, kiểm tra thấy xe đang khóa cổ liền dùng tay bẻ khóa, rồi đưa xe ra đường, dùng tay nối dây mát khởi động nổ máy điều khiển xe đi theo Quốc lộ 16 về hướng xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Khi đến khu vực cầu Pao thuộc địa phận bản Pao, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, bị cáo để lại xe ở đây rồi tìm đến nhà người quen gần đó đi ngủ. Khoảng 01 giờ, ngày 28/5/2020, ông Phoi thức dậy, không nhìn thấy xe mô tô biển kiểm soát: 28F5 - 3072 nữa nên liền gọi gia đình dậy cùng tìm kiếm, nhưng không thấy. Đến sáng ngày 28/5/2020, chồng chị Lương Thị P là anh Ngân Văn Đ, sinh năm 1987, trú ở bản Chiềng, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tiếp tục đi tìm và thấy xe tại khu vực cầu Pao thuộc địa phận bản Pao, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 06/KL-ĐGTS, ngày 04/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mường Lát, kết luận:

- 01 (một) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu: *ITEL A32F*, màu đồng, được mua mới sử dụng từ năm 2018 tại huyện Mường Lát, Thanh Hóa với giá 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Vào thời điểm bị trộm cắp (tháng 6/2020) có giá trị là 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- 01 (một) xe máy, mạng Biển kiểm soát: 28F5 – 3072, nhãn hiệu: *HONDA*, loại xe: *Nữ*, màu sơn: *xanh*, số khung: *HHCO8OX2Y434591*, số máy: *HCO8E-0434657*, dung tích xi lanh 97cm^3 , xe được mua lại vào năm 2012 tại huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình với giá 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Vào thời điểm bị trộm cắp (tháng 5/2020) có giá trị là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 43/CT-VKS-ML ngày 25/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 điều 173 BLHS.

Lời luận tội của đại diện VKS tham gia phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như đã nêu trong bản Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng: Điều 38; Điểm s khoản 1 điều 51; điểm h, g khoản 1 điều 52; khoản 1 Điều 173 BLHS.

+ Về tội danh: Tuyên bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

+ Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo từ 24 đến 26 tháng tù.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra vụ án, các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu bồi thường dân sự, tại phiên tòa, người bị hại Ngân Văn Đào đề nghị bị cáo bồi thường 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) để thay bộ yếm và khóa xe do bị cáo làm hỏng, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền trên. Đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Bị cáo có tội nên phải chịu tiền án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa: Người bào chữa đồng tình với quan điểm truy tố của đại diện VKS về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điều luật áp dụng và khung hình phạt đại diện VKS đề nghị đối với bị cáo. Cho rằng bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, xử bị cáo một mức án thấp nhất của khung hình phạt và căn cứ vào Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí cho bị cáo.

Ý kiến của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo:* Hành vi của bị cáo lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản đã lén lút hai lần chiếm đoạt tài sản gồm: Lần thứ nhất là xe máy, mang Biển kiểm soát: 28F5 – 3072, nhãn hiệu: HONDA, loại xe: Nữ, màu sơn: xanh với giá trị là 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Lần thứ hai bị cáo trộm cắp điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu: ITEL A32F, màu đồng, có giá trị là 450.000 đồng. Tổng trị giá bị cáo trộm cắp là: **3.950.000đ** (*Ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*). Do bị cáo đang có tiền án nên cả hai lần phạm tội đều cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, ý kiến của người bào chữa và chứng cứ khác trong hồ sơ đủ cơ sở khẳng định bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi trộm cắp của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội và xâm phạm đến quyền quản lý, bất khả xâm phạm tài sản của cá nhân, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật bị cộng đồng xã hội lên án nhưng vẫn cố tình thực hiện nhằm thỏa mãn nhu cầu, mục đích của bản thân.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số: 32/2019/HS-ST, ngày 22/11/2019 của TAND huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương nhưng chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học lại thực hiện hành vi trộm cắp. Lần phạm tội này là “Tái phạm”, bị cáo phạm tội 02 lần phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, g khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên HĐXX thấy cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, như đề nghị của đại diện viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo là phù hợp, cũng là thể hiện sự khoan hồng của luật hình sự Việt Nam.

[4] *Về hình phạt:* Với tính chất của vụ án, xét nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX thấy nên xét xử bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội để làm bài học cho kẻ khác đang có ý đồ phạm tội.

[5] *Xét về vật chứng trong vụ án:* Điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu: ITEL A32F, màu đồng, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của anh Sùng A Tông, sinh năm 1991, trú tại bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa và 01 xe mô tô, biển kiểm soát: 28F5 - 3072, nhãn hiệu: HONDA, loại xe: Nữ, màu sơn: xanh, số khung: HHCO8OX2Y434591, số máy: HCO8E-0434657, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của anh Ngân Văn Đào, sinh năm 1987, trú tại bản Chiềng, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đã trả lại tài sản cho các bị hại theo quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:*

Người bị hại Sùng A T đã nhận lại điện thoại bị trộm cắp, không có thiệt hại gì và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Thào A C đã nhận được tiền mua điện thoại của bị cáo và không có yêu cầu gì. HĐXX không xem xét.

Người bị hại Ngân Văn Đ đã nhận lại xe mô tô bị trộm cắp nhưng xe bị hỏng khóa và bộ yếm xe do bị cáo bẻ gãy, tại phiên tòa đã thỏa thuận, bị cáo bồi thường 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) cho anh Đ. HĐXX thấy yêu cầu bồi thường thiệt hại của người bị hại là phù hợp. Xét việc thỏa thuận của bị cáo và người bị hại về mức bồi thường là do các bên hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội không trái với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7]. *Những vấn đề khác:*

Đối với anh Thào A C, sinh năm 1997, trú ở bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa là người mua điện thoại với bị cáo. Quá trình điều tra, xác minh được anh C không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có, anh C đã góp phần phát hiện, xử lý hành vi trộm cắp của bị cáo, do vậy không có dấu hiệu của hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[8]. *Về án phí và quyền kháng cáo:* Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự, án phí dân sự theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Bá T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”

Trách nhiệm Hình sự: Áp dụng: Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Bá Tự **24** (*Hai bốn*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giam (30/9/2020).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 30; Điều 62 BLTTHS; Điều 13; Điều 583; 584; 585; 586 và 589 BLDS:

Bị cáo phải bồi thường 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) cho người bị hại Ngân Văn Đ, sinh năm 1987, trú tại: Bản Chiềng, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả;

Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên: Bị cáo được miễn tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Án xử công khai, có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại Ngân Văn Đ. Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt và những người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THADS thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận THA, yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại điều 6, điều 7, điều 9 của luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh T. Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H. Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT-Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Trung Sơn huyện Quan Hóa;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị T